

Số: /KH-DTNT THCS THPT VT

Vĩnh Thạnh, ngày tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH **Chuyển đổi số năm 2026**

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57 NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng;

- Kế hoạch hành động số 22/KH/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch 31-KH/TU ngày 09/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026;

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

- Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh về kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2026.

- Kế hoạch số 485/KH-SGDĐT ngày 28/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Gia Lai về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường, Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, dạy học và hoạt động nội trú; xây dựng môi trường giáo dục số phù hợp với đặc thù trường PTD TNT, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, quản trị nhà trường và thu hẹp khoảng cách số cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, Đề án 06, các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số ngành Giáo dục và các kế hoạch, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; bảo đảm đồng bộ, thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm.

- Lấy người học, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu của chuyển đổi số; bảo đảm mọi viên chức và người lao động trong nhà trường được tiếp cận, thụ hưởng thực chất các kết quả của chuyển đổi số, góp phần thu hẹp khoảng cách số, không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Gắn chặt chuyển đổi số với cải cách hành chính, đổi mới phương thức quản lý, điều hành; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu số và thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

- Bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 (số 91/2025/QH15).

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Hạ tầng số

- 100% phòng học, phòng làm việc được kết nối đường truyền Internet cố định, được phủ sóng băng rộng di động 4G, 5G

- 100% các hệ thống thông tin được phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2.2. Chính quyền số

- 100% văn bản chỉ đạo, điều hành xử lý trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật).

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng chữ ký số cá nhân khi xử lý công việc.

- Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý trường học, quản lý học sinh nội trú.

2.3. Giáo dục số, xã hội số

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, có khả năng sử dụng hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin và dịch vụ số phục vụ công tác quản lý, giảng dạy và

học tập.

- 100% học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng số cơ bản và nâng cao, kỹ năng học tập, sáng tạo, tương tác an toàn trong môi trường số.

- Phát triển kho học liệu số, bài giảng điện tử, ngân hàng đề thi, nền tảng dạy học trực tuyến dùng chung của ngành, bảo đảm khai thác hiệu quả, phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Triển khai các mô hình giáo dục số, giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số; từng bước hình thành môi trường học tập số, góp phần xây dựng xã hội số.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

1.1. Nhiệm vụ

- Kiện toàn Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của nhà trường, do Hiệu trưởng làm trưởng ban; phân công cụ thể Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, giáo viên Tin học phụ trách từng mảng công việc.

- Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong công tác quản lý, dạy và học năm 2026.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các tổ, bộ phận, giáo viên và nhân viên.

1.2. Giải pháp

- Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Sở GDĐT về kết quả chuyển đổi số của nhà trường.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ, giáo viên, nhân viên.

2. Rà soát, hoàn thiện thể chế và quy định nội bộ

2.1. Nhiệm vụ

Rà soát, ban hành hoặc sửa đổi các quy định nội bộ về: Quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu giáo dục; Sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử; Triển khai học bạ số, hồ sơ học sinh điện tử; Bảo vệ dữ liệu cá nhân của học sinh....

2.2. Giải pháp

- Ban hành các quy định, hướng dẫn dưới hình thức văn bản hành chính của Hiệu trưởng.

- Thống nhất sử dụng các phần mềm, hệ thống theo hướng dẫn của Sở GDĐT; tránh manh mún, chồng chéo.

- Phân công rõ trách nhiệm cập nhật, quản lý dữ liệu cho từng bộ phận, cá

nhân.

3. Phát triển hạ tầng số phục vụ quản lý, dạy học và sinh hoạt nội trú

3.1. Nhiệm vụ

- Duy trì, nâng cấp hệ thống mạng Internet tại khu hành chính, khu lớp học và khu nội trú.

- Trang bị, bảo trì máy tính, máy chiếu, thiết bị CNTT phục vụ dạy học và quản lý.

- Khai thác hiệu quả các nền tảng số, phần mềm dùng chung của ngành Giáo dục.

3.2. Giải pháp

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng CNTT từ nguồn ngân sách được cấp và các nguồn hợp pháp khác.

- Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông để bảo đảm kết nối Internet ổn định, an toàn.

- Sử dụng thiết bị CNTT đúng mục đích, hiệu quả, tránh hình thức.

4. Phát triển nhân lực số

4.1. Nhiệm vụ

- Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” phù hợp với đặc thù học sinh dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực cho giáo viên Tin học và giáo viên kiêm nhiệm công nghệ thông tin.

4.2. Giải pháp

- Tổ chức tập huấn trực tiếp kết hợp trực tuyến; ưu tiên thực hành, “cầm tay chỉ việc”.

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng số vào sinh hoạt tập thể, sinh hoạt nội trú, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Phát huy vai trò nòng cốt của giáo viên Tin học trong hỗ trợ đồng nghiệp và học sinh.

5. Phát triển dữ liệu số và ứng dụng trong quản lý nhà trường

5.1. Nhiệm vụ

- Chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ dữ liệu học sinh, giáo viên trên các hệ thống quản lý ngành.

- Triển khai hiệu quả phần mềm học bạ số, hồ sơ điện tử, quản lý học sinh.

- Số hóa hồ sơ, sổ sách theo lộ trình, giảm dần giấy tờ hành chính.

5.2. Giải pháp

- Phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ trách từng loại dữ liệu; chịu trách nhiệm về tính chính xác.
- Thường xuyên rà soát, đối soát dữ liệu, bảo đảm “đúng – đủ – sạch – sống”.
- Khai thác dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, báo cáo, đánh giá chất lượng giáo dục.

6. Bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

6.1. Nhiệm vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Tuyên truyền, giáo dục kỹ năng an toàn thông tin, phòng chống lừa đảo trên không gian mạng cho học sinh.

6.2. Giải pháp

- Phân công cán bộ phụ trách an toàn thông tin của nhà trường.
- Phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức tập huấn, tuyên truyền về an ninh mạng.
- Chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thông tin.

7. Xây dựng chính quyền số trong hoạt động quản lý nhà trường

7.1. Nhiệm vụ

- Thực hiện xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; sử dụng chữ ký số theo quy định.
- Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, tài sản, học sinh, báo cáo thống kê.

7.2. Giải pháp

- Sử dụng thống nhất phần mềm quản lý văn bản, điều hành của ngành.
- Tăng cường sử dụng dữ liệu số trong phân tích, đánh giá, hỗ trợ Hiệu trưởng ra quyết định quản lý.

8. Phát triển giáo dục số, góp phần xây dựng xã hội số

8.1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá.
- Phát triển kho học liệu số, bài giảng điện tử phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số.

- Giáo dục STEM, kỹ năng số, kỹ năng an toàn trên môi trường mạng cho học sinh.

8.2. Giải pháp

- Khuyến khích giáo viên xây dựng và chia sẻ học liệu số.
- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường – gia đình – xã hội thông qua các nền tảng số.
- Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động phù hợp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo nhà trường

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường chi tiết, cụ thể bám sát nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu chuyển đổi số của ngành, trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, nguồn lực của địa phương.
- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được phân công.
- Cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

2. Bộ phận phụ trách chuyên môn, cơ sở vật chất

- Tham mưu với Hiệu trưởng về việc hoàn thiện hạ tầng CNTT tại nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường truyền Internet băng thông, phòng máy tính thực hành, máy chiếu, Tivi, màn hình Led, âm thanh,... phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung tại nhà trường; thiết bị đầu cuối phục vụ cho hoạt động họp, hội thảo, hội nghị, hoạt động chuyên môn trực tuyến).
- Triển khai áp dụng các phần mềm phục vụ công tác quản lý chuyên môn và điện tử hóa hệ thống hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- Triển khai dạy học trực tuyến trong nhà trường; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số; phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong đội ngũ giáo viên, học sinh.
- Xây dựng, triển khai hệ thống khảo sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phù hợp với yêu cầu của Sở GDĐT, Bộ GDĐT.

3. Tổ Văn phòng

- Tham mưu cho Hiệu trưởng về điều kiện áp dụng hình thức trực tuyến để triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 thủ tục hành chính.
- Tiếp tục triển khai các phần mềm quản lý tài chính, tài sản trong toàn ngành.
- Triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong toàn ngành.
- Tiếp tục áp dụng các phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc điện tử

toàn ngành.

- Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Sở Giáo dục việc thực hiện kế hoạch về các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch. Nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số theo kế hoạch của Sở GDĐT.

4. Bộ phận phụ trách CNTT, CSDL ngành

Hoàn thiện thu thập thông tin, chuẩn hóa CSDL dùng chung ngành giáo dục tỉnh; kết nối hệ thống CSDL dùng chung với các phần mềm nghiệp vụ trong toàn ngành như: quản lý tuyển sinh đầu cấp, quản lý nhà trường, quản lý tài chính,...

5. Giáo viên, nhân viên

- Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức và thực hiện nghiêm túc các nội dung kế hoạch chuyển đổi số.

- Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi số của bản thân.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Ban chỉ đạo CDS;
- Tổ trưởng các tổ;
- Phụ trách CNTT;
- Lưu: VT, hồ sơ CDS.

Từ Kim Lân